TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/02/2021
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị N, sinh năm 1995 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 612/52 đường M, khóm 6, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Trần Lai T, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 94 hẻm B, khóm 4, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Thạch Thị N trình bày:

Năm 2009, chị N kết hôn với anh Trần Lai T và được Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khóm 4, Phường 1, thị xã V.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị N với anh T đã có 02 con chung là cháu Trần Gia T (Nam), sinh ngày 01/01/2010 và Trần Gia H (Nam), sinh ngày 28/9/2012. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, chị N với anh T không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 8/2019, chị N đã trở về sống tại số nhà 612/52 đường M, khóm 6, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; vợ chồng không còn sống chung, không còn liên lạc gì với nhau. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Lai T.

Về con chung: Do cháu T và cháu H có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị N có mua bán trái cây, tạp hóa nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu T và cháu H (BL 02-08).

- Đối với bị đơn Trần Lai T: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh T cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh T và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 08/02/2021, bị đơn T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, sức khỏe, tình hình phát triển và nguyện vọng của cháu T, cháu H (BL 22, 23, 24).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh Trần Lai T; giao cho chị Nươl trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét về tài sản và nợ chung do đương sự không yêu cầu; quyết định về án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị N khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Trần Lai T. Yêu cầu của chị N được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Lai T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu T và cháu H cũng như việc không phản đối của anh T và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị N về việc kết hôn với anh T, được Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2013 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị N và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, từ tháng 8/2019 đến nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; chỉ vì mâu thuẫn mà chị N về sinh sống tại thành phố S còn anh T thì ở thị xã V; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nuôi dạy con chung; không còn liên lạc, nắm bắt thông tin tình trạng cuộc sống của nhau. Như vậy, chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu Trần Gia T và Trần Gia H đều đã trên 07 tuổi, được học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và có nguyện vọng sống với chị N (BL 22, 23, 24); đồng thời, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Xét, việc bày tỏ ý chí của cháu T và cháu H là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc; chị N có việc làm ổn định, thu nhập khoảng trên 06 triệu đồng/tháng đảm bảo cuộc sống.

Vì vậy, cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung; ghi nhận ý chí tự nguyện của chị N, về không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Nguyên đơn Thạch Thị N tiếp tục khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị N phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Trần Lai T.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị Thạch Thị N.

Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Gia T (Nam), sinh ngày 01/01/2010 và Trần Gia H (Nam), sinh ngày 28/9/2012.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị N, anh T không phải cấp dưỡng cho cháu T và cháu H.

Trong thời gian chị N nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu H, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0003764 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Thạch Thị N có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Trần Lai T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Phường 1;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG